

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-PT
Ngày 25 - 3 - 2019
V/v tranh chấp quyền sở hữu
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Lương

Bà Hà Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DSST ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 303/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1953

Địa chỉ: Khu vực T, phường T1, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Hùng D, sinh năm 1966, (văn bản ủy quyền ngày 10/5/2017)

Địa chỉ: Số 02, khu Bến Tàu, Trung tâm thương mại huyện V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: 1. Bà Lê Ngọc M, sinh năm 1957

2. Ông Lê Ngọc P, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: 963 Khu vực T, phường T1, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Ngọc Mỹ P1, sinh năm 1994

Địa chỉ: 963 Khu vực T, phường T1, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn P2

Địa chỉ: Cơ sở sản xuất Thát lát cườm N, ấp 2, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2. Bà Trần Kim T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Cửa hàng thức ăn thủy sản H, ấp L, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo: Bà Lê Ngọc M, ông Lê Ngọc P là bị đơn;*

(Ông Trần Hùng D, Lê Văn L, Lê Ngọc P có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Trần Hùng D trình bày:

Vào tháng 6/2016, ông Lê Văn L đầu tư thả cá giống Thát lát cườm tại ao nuôi có diện tích 1.600m² thuộc thửa đất số 329, diện tích 7.774,0m² do bà Lê Ngọc Mỹ P1 đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc khu vực B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, đất có nguồn gốc của gia đình ông L và được vợ chồng ông L tặng cho lại các con Lê Ngọc Mỹ P1, Lê Ngọc P vào năm 2012. Quá trình nuôi đến tháng 4/2017, ông L tiến hành thu hoạch cá và ký hợp đồng bán cá với thương lái và định thời gian bắt cá ngày 19/4/2017. Tuy nhiên, khi thương lái đến bắt cá trong ao thì bà Lê Ngọc M (vợ ông đã ly hôn tháng 10/2016), con Lê Ngọc P ngăn cản không cho ông bắt cá bán nên việc mua bán dừng lại, từ đó các bên xảy ra xô xát và phát sinh tranh chấp quyền sở hữu số cá nêu trên nên ông L có đơn khởi kiện đối với bà M, ông P yêu cầu công nhận số lượng cá Thát lát cườm nuôi trong ao khoảng 4.000kg.

Nhằm đảm bảo cho cá không bị chết dẫn đến thiệt hại và xác định số lượng cá nuôi trong ao, ông L đã có đơn yêu cầu Tòa án xem xét áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là kê biên tài sản tranh chấp là toàn bộ số cá thát lát cườm được nuôi trong ao do ông quản lý và đưa ra bán để xác định giá trị cá trong ao, qua kết quả kê biên xác định được số lượng cá Thát lát cườm có trọng lượng 5.360kg và bán thu về được với số tiền 375.600.000 đồng do Chi cục Thi hành án dân sự quận N quản lý.

Nay ông L yêu cầu Tòa án xem xét công nhận cho ông được sở hữu và nhận số tiền 375.600.000 đồng có được từ việc kê biên và bán cá Thát lát cườm với tổng trọng lượng 5.360kg, hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ đang quản lý.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Ngọc M trình bày:

Bà và ông Lê Văn L là vợ chồng nhưng đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn vào tháng 10/2016. Đối với số lượng cá Thát lát cườm tranh chấp được nuôi trong ao có diện tích khoảng 1.600m² thuộc thửa đất số 329, diện tích 7.774,0m² do bà Lê Ngọc Mỹ P1 đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc khu vực B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ là tài sản thuộc sở hữu của bà vì trước đó vào năm 2015, bà có thỏa thuận thuê ao nuôi cá của ông Lê Ngọc P để nuôi cá. Ngoài cá Thát lát cườm còn có các loại cá khác sống tự nhiên trong ao nuôi chứ không phải chỉ có cá Thát lát cườm như ông L trình bày. Vì vậy, vào tháng 4/2017, khi ông L tự ý kêu thương lái đến ao nuôi để bán cá bị bà phát hiện nên ngăn cản, từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông L, bà không đồng ý vì đây là tài sản của bà chứ không phải của ông L. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế bà khó khăn nên không có khả năng nộp tạm ứng án phí nên bà không nộp đơn yêu cầu công nhận số tiền 375.600.000 đồng có được từ việc kê biên và bán cá Thát lát cườm với tổng số lượng 5.360kg và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Lê Ngọc P trình bày:

Ông là con ruột của ông Lê Văn L, bà Lê Ngọc M. Vào năm 2015, ông có cho bà Lê Ngọc M thuê ao nuôi cá diện tích khoảng 1.600m² thuộc thửa đất số 329, diện tích 7.774,0m² do bà Lê Ngọc Mỹ P1 đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại khu vực B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, do đó số lượng cá Thát lát cườm là tài sản của bà M, chứ không phải cá của ông L. Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không đồng ý và yêu cầu Tòa án xem xét công nhận cá thuộc sở hữu của bà M. Đối với vấn đề tiền thuê phần đất ao khi nào Tòa án giải quyết xong việc tranh chấp cá này thì ông sẽ khởi kiện yêu cầu người chủ sở hữu số cá trả tiền tiền thuê ao theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc Mỹ P1 trình bày:

Bà là con ruột của ông Lê Văn L, bà Lê Ngọc M. Bà và ông Lê Ngọc P là đồng chủ sử dụng thửa đất số 329, diện tích 7.774,0m² do bà đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại khu vực B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Bà thống nhất vào năm 2015 có cho mẹ là bà Lê Ngọc M thuê ao nuôi cá và số cá tranh chấp thuộc sở hữu của bà M. Các vấn đề khác bà thống nhất như ông P trình bày.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn P2 trình bày:

Ông chủ cơ sở sản xuất cá Thát lát cườm N. Vào ngày 16/6/2016, ông có bán cho ông Lê Văn L số lượng 12.000 con cá giống Thát lát cườm với giá 2.600 đồng/con. Ông L là người trực tiếp giao dịch mua bán cá với ông, toa hàng ghi ngày 16/6/2016 là ông lập. Ngoài ra, do điều kiện đi lại khó khăn nên ông yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết tại Tòa án các cấp.

Người làm chứng bà Trần Kim T trình bày:

Bà là chủ cửa hàng thức ăn thủy sản H. Bà và ông Lê Văn L bắt đầu mua bán thức ăn thủy sản từ năm 2007 đến nay. Quá trình mua bán, bà trực tiếp giao dịch với ông L chứ không giao dịch với bà M, ông P. Đối với số lượng thức ăn dùng nuôi cá Thát Lát cườm có hiệu STEALA, bà đã bán cho ông L đến ngày 10/3/2018 tổng cộng 567 bao (mỗi bao 25kg) với số tiền là 286.335.000 đồng, ông L đã trả được 202.335.000 đồng, còn nợ lại 84.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Vì vậy, đối với số cá Thát lát cườm mà các bên tranh chấp bà xác định là cá của ông L vì quá trình giao thức ăn bà và gia đình có trực tiếp đến ao nuôi để chứng kiến nên biết việc ông L thả cá nhỏ và chăm sóc cho thu hoạch là sự thật. Ngoài ra, do điều kiện đi lại khó khăn nên bà yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết tại Tòa án các cấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DSST ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận N đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công nhận cho nguyên đơn ông Lê Văn L được quyền sở hữu và nhận số tiền 375.600.000 đồng có được từ việc kê biên bán cá Thát lát cườm với tổng trọng lượng 5.360kg (5.200kg + 160kg) do Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ đang quản lý.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 161/QĐ-BPKCTT, ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ để đảm bảo việc thi hành án.

Tách việc tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông P, bà P với ông Lê Văn L, bà Lê Ngọc M ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 28/5/2018, bị đơn bà Lê Ngọc M và ông Lê Ngọc P đều kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận tài sản tranh chấp thuộc quyền sở hữu của bà Lê Ngọc M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục: Bị đơn có đơn kháng cáo và đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ về mặt hình thức. Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Các bị đơn kháng cáo nhưng chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Ngược lại, nguyên đơn đã chứng minh nguyên đơn là người đã trả chi phí mua con giống, thức ăn và chăm sóc số lượng cá nuôi. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phần kháng cáo của bị đơn là chưa có căn cứ. Việc bị đơn Lê Ngọc M vắng mặt

hai lần không có lý do nên đề nghị đình chỉ phần kháng cáo của bà M. Bị đơn Lê Ngọc P kháng cáo không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông P.

Tuy nhiên, cần xem xét lại việc cấp sơ thẩm tính án phí cho bà Lê Ngọc M là chưa có căn cứ vì theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà M thuộc diện miễn án phí nên cần sửa án phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Lê Văn L khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sở hữu đối với số tiền 375.600.000 đồng có được từ việc bán cá Thát lát cườm. Bị đơn bà Lê Ngọc M, ông Lê Ngọc P không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và cho rằng tài sản tranh chấp thuộc quyền sở hữu của bà M. Tòa án nhân dân quận N xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 26, các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Các bị đơn kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tam ứng án phí nên kháng cáo của các bị đơn là hợp lệ về mặt hình thức. Bị đơn bà Lê Ngọc M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc Mỹ P1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P. Riêng đối với bị đơn bà Lê Ngọc M là người kháng cáo nhưng vắng mặt thì coi như bà Mỹ từ bỏ việc kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần kháng cáo của bà Mỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của ông Lê Ngọc P: Hội đồng xét xử xét thấy, cá Thát lát cườm là vật nuôi thủy sản nước ngọt, việc nuôi cá trong ao với số lượng lớn để kinh doanh thì đòi hỏi người nuôi phải có đầu tư về kỹ thuật chăm sóc, con giống và thức ăn phù hợp thì cá mới phát triển để thu hoạch. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chứng minh được cá do nguyên đơn đầu tư sức lao động, con giống, thức ăn nuôi cá, bắt đầu thả cá con tại ao nuôi diện tích khoảng 1.600m² thuộc thửa đất số 329 từ tháng 6/2016 đến khi được kê biên ngày 14/3/2018, tổng trọng lượng là 5.360kg và bán được số tiền 375.600.000 đồng, điều này phù hợp với lời khai của những người làm chứng là ông Nguyễn Văn P2 - chủ cơ sở bán cá giống N, bà Trần Kim T - chủ cửa hàng thức ăn thủy sản H là những người trực tiếp cung ứng con giống, thức ăn cho ông L. Do đó, có cơ sở xác định ông L là người bỏ ra sức lao động, chi phí đầu tư tạo nên số cá Thát lát cườm có tổng trọng lượng 5.360kg. Vì vậy, xác định tài sản này thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn là phù hợp.

Bị đơn ông P kháng cáo yêu cầu công nhận quyền sở hữu tài sản tranh chấp cho bà M. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà M thừa nhận không có đầu tư con giống và thức ăn nuôi cá. Mặt khác, bà M cho rằng cá tự nhiên trong ao cùng với việc tổng hợp cá ở ao khác lại mà có, đồng thời bà M có hợp đồng

thuê ao nuôi của chủ đất nên cá trong ao của bà nhưng điều này cũng không thể chứng minh tài sản tranh chấp thuộc quyền sở hữu của bà.

Số lượng cá Thát lát cườm tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện so với thời điểm tiến hành kê biên, xử lý đã có sự thay đổi do sự phát triển của cá. Mặt khác, theo biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản ngày 14/3/2018 đã xác định tổng số lượng cá Thát lát cườm có giá trị là 375.600.000 đồng. Ngoài cá Thát lát cườm thì trong ao còn một số loại cá khác và theo biên bản kê biên thì số cá khác đã được thả lại ao, chỉ tiến hành kê biên, xử lý đối với loại cá Thát lát cườm. Do đó, việc xác định tài sản tranh chấp là số cá Thát lát cườm có trọng lượng 5360kg được định giá là 375.600.000 đồng là phù hợp với thực tế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê Ngọc P kháng cáo nhưng không có căn cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên không được chấp nhận. Tuy nhiên, về phần án phí cấp sơ thẩm có sai sót trong việc buộc bị đơn bà Lê Ngọc Mỹ P1 phải chịu án phí sơ thẩm. Do bà M là người cao tuổi thuộc diện miễn án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại án phí cho phù hợp theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ kháng cáo của bị đơn bà Lê Ngọc M, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Ngọc P; sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công nhận cho nguyên đơn ông Lê Văn L được quyền sở hữu và nhận số tiền 375.600.000 đồng có được từ việc kê biên bán cá Thát lát cườm với tổng trọng lượng 5.360kg (5.200kg + 160kg) do Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ đang quản lý.

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 161/QĐ-BPKCTT ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ bị hủy bỏ kể từ ngày 25/3/2019. Ông Lê Văn L được nhận lại tài sản bảo đảm là số tiền 12.000.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt

Nam, chi nhánh quận N theo quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 160/QĐ-BPBD ngày 12/3/2018 của Tòa án nhân dân quận N, số tài khoản 1803683146423 theo sổ tiết kiệm có kỳ hạn AD 00005336044 phát hành ngày 12/3/2018.

Tách việc tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông Phát, bà Phúc với ông Lê Văn L, bà Lê Ngọc M ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Văn L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 600.000 đồng mà ông đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 002201 ngày 31/5/2017 và biên lai thu tiền số 004012 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Lê Ngọc P phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 004051 ngày 29/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N. Công nhận ông Phát đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Bình